



**PHÁP CHẾ**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế công bố thông tin**  
**của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;



PH

Ngày:

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua theo Nghị quyết số 14/TN2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 669/QĐ-VCB-HĐQT ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 229/NQ-VCB.HĐQT ngày 06/05/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 / 05 / 2022. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Quyết định số 1019/QĐ-VCB-HĐQT ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam hết hiệu lực.

**Điều 3.** Các ông (bà) Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Điều hành, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Trung tâm, Trưởng các Phòng/Ban/Trung tâm liên quan tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, B.CLTG&TKTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phạm Quang Dũng

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

-----000-----

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN  
CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành theo Quyết định số 706/QĐ-VCB-HĐQT ngày 18/5/2022  
của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

*Hà Nội, tháng 5/2022*

100  
NG  
JONG  
NGO  
VI  
DAN

TCO  
E PI  
háng

## MỤC LỤC

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh .....	4
Điều 2. Đối tượng áp dụng .....	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt.....	4
Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ.....	9
Mục 1 YÊU CẦU VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	10
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin .....	10
Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin.....	10
Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin.....	10
Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin.....	11
Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin .....	12
Mục 2 NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN .....	13
Điều 9. Công bố thông tin định kỳ .....	13
Điều 10. Công bố thông tin bất thường.....	16
Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu .....	20
Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Ngân hàng .....	20
Điều 13. Công bố thông tin về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.....	21
Điều 14. Công bố thông tin về việc niêm yết trái phiếu doanh nghiệp .....	22
Điều 15. Công bố thông tin về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước.....	22
Điều 16. Công bố thông tin của Ngân hàng khi phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế .....	24
Điều 17. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.....	24
Điều 18. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	25
Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai .....	27
Mục 3 TRÁCH NHIỆM CÁC ĐƠN VỊ.....	28
Điều 20. Trách nhiệm của Đơn vị công bố thông tin .....	28
Điều 21. Trách nhiệm của Đơn vị đầu mối quản lý thông tin.....	28
Điều 22. Trách nhiệm của các Đơn vị, cá nhân liên quan trong Ngân hàng .....	28
Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....	29
Điều 23. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ.....	29
PHỤ LỤC I: CÁC NỘI DUNG CẦN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỂ CÔNG BỐ .....	30
PHỤ LỤC II: CÁC MẪU BIỂU BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	60

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN  
CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Ban hành kèm theo Quyết định số 706 /QĐ-VCB-HĐQT ngày 19 tháng 5 năm 2022 của  
Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế Công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (sau đây viết tắt là “Quy chế”) quy định việc tổ chức và công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Công thông tin doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (sau đây viết tắt là “Ngân hàng”) theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công thông tin doanh nghiệp của Ngân hàng, bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Chi nhánh (bao gồm Chi nhánh ở nước ngoài), Văn phòng đại diện (bao gồm Văn phòng đại diện của Ngân hàng tại nước ngoài), Đơn vị sự nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan của Ngân hàng liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công thông tin doanh nghiệp.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt**

Trong Quy chế này, các từ viết tắt và từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các từ viết tắt

- a) **Ban CLTG&TKTH** : Ban Chiến lược, Tuyên giáo và Thư ký tổng hợp
- b) **Ban TCNS** : Ban Tổ chức Nhân sự
- c) **Ban KHDN** : Ban Khách hàng doanh nghiệp



- |                |  |
|----------------|--|
| d) Ban ĐCTC    | : Ban Định chế tài chính                         |
| e) Ban MS&QLTS | : Mua sắm và quản lý tài sản                     |
| f) BCTC        | : Báo cáo tài chính                              |
| g) CBTT        | : Công bố thông tin                              |
| h) ĐHĐCĐ       | : Đại hội đồng cổ đông                           |
| i) HĐQT        | : Hội đồng Quản trị                              |
| j) P.CSTCKT    | : Phòng Chính sách Tài chính kế toán             |
| k) P.TCKT      | : Phòng Tài chính kế toán                        |
| l) P.PC        | : Phòng Pháp chế                                 |
| m) P.QLRRHĐ    | : Phòng Quản lý rủi ro hoạt động                 |
| n) P.ALM       | : Phòng Quản lý tài sản nợ có                    |
| o) P.CSKH&SPBL | : Phòng Chính sách khách hàng và sản phẩm bán lẻ |
| p) P.QHCC      | : Phòng Quan hệ công chúng                       |
| q) P.KTrNB     | : Phòng Kiểm tra nội bộ                          |
| r) P.KToNB     | : Phòng Kiểm toán nội bộ                         |
| s) P.GS&KTHĐ   | : Phòng Giám sát và kiểm tra hoạt động           |
| t) TMCP        | : Thương mại cổ phần                             |
| u) TTDVKH      | : Trung tâm Dịch vụ khách hàng                   |
| v) VCB         | : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam           |

## 2. Giải thích từ ngữ

1.1. **Báo cáo thường niên:** Là báo cáo tổng thể về tình hình quản trị ngân hàng, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng Quản trị của Ngân hàng được lập theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 04 ban hành kèm theo Quy chế này và được công bố hàng năm.

1.2. **Ban Điều hành:** Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm/thuê.

1.3. **Công bố thông tin bất thường:** Là việc Ngân hàng công bố thông tin trong một thời hạn nhất định được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường theo quy định của pháp luật.

1.4. **Công bố thông tin định kỳ:** Là việc Ngân hàng công bố thông tin vào



những thời điểm xác định trong năm theo quy định của pháp luật.

**1.5. Công bố thông tin theo yêu cầu:** Là việc Ngân hàng công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Ngân hàng niêm yết, đăng ký giao dịch;

**1.6. Cổ đông lớn:** Là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng.

**1.7. Người nội bộ của Ngân hàng (sau đây gọi chung là người nội bộ):** Là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Ngân hàng, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát; thư ký Ngân hàng, người phụ trách quản trị ngân hàng, người được ủy quyền công bố thông tin;

**1.8. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:**

a) Người nội bộ của Ngân hàng theo quy định tại khoản 1.7 Điều này và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;

c) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Ngân hàng;

d) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;

đ) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;

e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Ngân hàng.

**1.9. Người có liên quan:** Là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Ngân hàng và Người nội bộ;

b) Ngân hàng và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Ngân hàng;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh





rẻ, em rẻ, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Công ty con: là công ty thuộc một trong các trường hợp sau: (i) công ty do Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; (ii) Ngân hàng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên hoặc hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó; (iii) Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó; (iv) Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con;

h) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

1.10. **Ngày công bố thông tin:** Là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

1.11. **Ngày báo cáo:** Là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

1.12. **Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp:** là tổ chức có trái phiếu doanh nghiệp phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

1.13. **Tổ chức đăng ký giao dịch:** Là tổ chức có cổ phiếu phát hành được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

1.14. **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận:** Là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

1.15. **Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở Giao dịch chứng khoán;

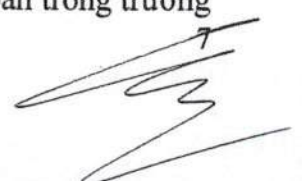
b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường

Vietcor

PHÒNG PH

Ngày \_\_\_\_ tháng



hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

đ) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

**1.16. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

**1.17. Điều lệ Ngân hàng (Điều lệ):** Là Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

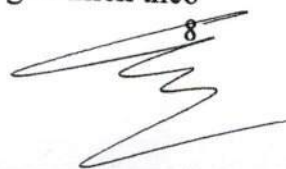
**1.18. Đơn vị đầu mối quản lý thông tin:** Là các Đơn vị được phân công tại Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

**1.19. Đơn vị công bố thông tin:** Là Ban Chiến lược Tuyên giáo và Thư ký tổng hợp và các Đơn vị khác theo phân công của Ban lãnh đạo (nếu có).

**1.20. Cổng thông tin doanh nghiệp:** Là Cổng thông tin điện tử có tên miền <http://www.business.gov.vn> do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý và vận hành.

**1.21. Người được ủy quyền công bố thông tin:** Là cá nhân được Ngân hàng ủy quyền thực hiện công bố thông tin; có thẩm quyền ký, đóng dấu theo quy định nội bộ của Ngân hàng và được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này.

Các từ ngữ chưa được giải thích tại Quy chế này được hiểu và giải thích theo

8  




  
ngân  
tẬP  
nă

Điều lệ và các quy định nội bộ có liên quan của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Mục 1

### YÊU CẦU VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Ngân hàng phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Ngân hàng công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.
4. Ngân hàng công bố thông tin định kỳ và bất thường trên Cổng thông tin doanh nghiệp phải đồng thời gửi báo cáo tới cơ quan đại diện chủ sở hữu. Đối với nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, Ngân hàng báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để cơ quan đại diện chủ sở hữu rà soát, đánh giá, quyết định việc hạn chế công bố thông tin đối với những nội dung đó.



K  
C  
m

5. Việc công bố thông tin của Ngân hàng phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này.

6. Ngân hàng có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng tối thiểu là 05 năm.

c) Các thông tin đã công bố, báo cáo khác không thuộc trường hợp tại điểm a và b Khoản 6 Điều này được bảo quản, lưu trữ theo quy định liên quan của pháp luật và của VCB (nếu có).

#### **Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin**

Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán và Công thông tin doanh nghiệp là tiếng Việt.

#### **Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được Ngân hàng ủy quyền công bố thông tin.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Đối với công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngân hàng phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội



dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 01 hoặc Biểu mẫu 02, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 03 ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Đối với công bố thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp, Ngân hàng phải gửi Giấy ủy quyền công bố thông tin lập theo mẫu quy định tại Biểu mẫu số 01.1 kèm theo Quy chế này đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời công khai nội dung này trên trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng.

2. Người thực hiện công bố thông tin quy định tại Điều này chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thời hạn của thông tin được công bố theo quy định liên quan của Pháp luật.

#### **Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- d) Cổng thông tin doanh nghiệp;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Ngân hàng phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

- a) Ngân hàng phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- b) Ngân hàng khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
- c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công



124  
T. P.

Ế

bố Điều lệ Ngân hàng, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (nếu có), Báo cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này;

d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm đ khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp thời điểm thực hiện công bố thông tin trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

5. Ngân hàng không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

6. Báo cáo công bố thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp được xây dựng theo đúng mẫu theo quy định của pháp luật và được chuyển sang dữ liệu dưới dạng điện tử (định dạng file là Pdf, Word, Exel). Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại báo cáo nêu tại Phụ lục II đính kèm Quy chế này. Báo cáo công bố thông tin qua mạng điện tử của Ngân hàng có giá trị pháp lý như bản giấy, là cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ cho công tác thu thập, tổng hợp thông tin; kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật và được duy trì, bảo quản, lưu trữ theo quy định pháp luật.

### **Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Tạm hoãn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

a) Ngân hàng được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

b) Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Ngân hàng có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

V  
PHÒNG  
Ngày

2. Tạm hoãn công bố thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp

a) Ngân hàng báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì lý do bất khả kháng hoặc cần sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với những nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

b) Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục hoặc sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

**Mục 2**

**NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 9. Công bố thông tin định kỳ**

1. Công bố thông tin định kỳ trên thị trường chứng khoán

1.1. Báo cáo tài chính

1.1.1. Báo cáo tài chính năm

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

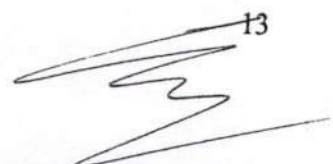
a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, biểu mẫu, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính năm bao gồm 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm riêng lẻ của Ngân hàng và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Ngân hàng phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính trên thị trường chứng khoán theo quy định của Quy chế này.



ttcc  
GP  
thái

### 1.1.2. Báo cáo tài chính bán niên.

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận:

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “ Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Ngân hàng, được lập theo quy định tại tiết 1.1.1.a, điểm 1.1, khoản 1 Điều 9 Quy chế này;

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính

### 1.1.3. Báo cáo tài chính quý

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại tiết 1.1.1.a, điểm 1.1, khoản 1 Điều 9 Quy chế này;

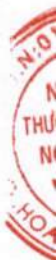
b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý và công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Ngân hàng đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

1.1.4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại điểm 1.1.1, 1.1.2 và



mban  
HÁP  
nă



1.1.3 khoản 1, Điều này, Ngân hàng phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

1.1.5. Ngân hàng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 1.1.4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của Ngân hàng hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

## 1.2. Báo cáo thường niên

Ngân hàng phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 04 ban hành kèm theo Quy chế này và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

## 1.3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn dài hơn, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

## 1.4. Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng

Ngân hàng phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 05 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

2. Công bố thông tin định kỳ trên Cổng thông tin doanh nghiệp
  - 2.1. Thông tin cơ bản về Ngân hàng và Điều lệ Ngân hàng.
  - 2.2. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 19 ban hành theo Quy chế này trước ngày 30 tháng 06 của năm liền sau năm thực hiện.
  - 2.3. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của Ngân hàng theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 20 ban hành theo Quy chế này trước ngày 31 tháng 07 hàng năm.
  - 2.4. Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hàng năm của Ngân hàng theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 21 ban hành theo Quy chế này trước ngày 30 tháng 06 của năm liền sau năm thực hiện.
  - 2.5. Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp, trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Điều 10. Công bố thông tin bất thường**

1. Ngân hàng phải công bố thông tin bất thường trên thị trường chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
  - a) Tài khoản của Ngân hàng tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
  - b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Ngân hàng có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
  - c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Ngân hàng phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
  - d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Ngân hàng hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày

thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Ngân hàng; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Ngân hàng, con dấu của Ngân hàng; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Ngân hàng;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Ngân hàng công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;



l) Ngân hàng thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Ngân hàng cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng). Đồng thời, Ngân hàng gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 03 ban hành kèm theo Quy chế này;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Ngân hàng căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét.

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Ngân hàng, người nội bộ của Ngân hàng; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Ngân hàng;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Ngân hàng; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Ngân hàng nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp Ngân hàng nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Ngân hàng, Ngân hàng phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Ngân hàng;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

u) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

v) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Ngân hàng tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên hợp nhất gần nhất được soát xét;

x) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)..

3. Ngân hàng phải công bố bất thường trên Công thông tin doanh nghiệp và niêm yết công khai tại trụ sở chính trong thời hạn 36 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

combar  
PHÁP

tháng \_\_\_ năm

18



a) Tài khoản của ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của ngân hàng;

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của ngân hàng;

d) Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, Trưởng Ban Kiểm soát, và thành viên Ban Kiểm soát;

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý ngân hàng;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của ngân hàng;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;

h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều 9 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn khác dài hơn, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

5. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Ngân hàng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;



k  
C  
"

b) Ngân hàng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

6. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Ngân hàng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 9 quy chế này.

7. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Ngân hàng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

### **Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Trong các trường hợp sau đây, Ngân hàng phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Ngân hàng niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến Ngân hàng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Ngân hàng về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

### **Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Ngân hàng**

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Ngân hàng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài



Ngân hàng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

### **Điều 13. Công bố thông tin về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng**

1. Ngân hàng phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

2. Ngân hàng phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:

a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2 và điểm 1.3 khoản 1 Điều 9 Quy chế này;

b) Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, Ngân hàng phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

Ngân hàng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

hoặc Hội đồng Quản trị thường niên;

Định kỳ 06 tháng, Ngân hàng phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

c) Ngân hàng phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 06 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;

d) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có);

đ) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Ngân hàng phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;

e) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 11 Quy chế này.

#### **Điều 14. Công bố thông tin về việc niêm yết trái phiếu doanh nghiệp**

Ngân hàng khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 9,10,11 và 12 Quy chế này.

#### **Điều 15. Công bố thông tin về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước**

1. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

b) Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo mẫu tại Biểu mẫu 07 ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Hình thức công bố thông tin theo quy định tại điểm a.i, điểm a.ii và điểm b, khoản 5 Điều 15 Quy chế này.

2. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu và công bố thông tin định kỳ

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 18, Điều 20 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước theo mẫu tại Biểu mẫu 08 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin định kỳ 6 tháng và hàng năm theo quy định tại Điều 18 và Điều 21 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và theo mẫu tại Biểu



mẫu 09 ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Hình thức công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu và công bố thông tin định kỳ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Quy chế này

3. Công bố thông tin bất thường của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 18, Điều 22 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

4. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền theo quy định tại Điều 18 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu 10 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu 10 ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Hình thức công bố thông tin

- Đối với công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn và trước đợt hoán đổi trái phiếu: hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 15 Quy chế này.

- Đối với công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu: hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 5 - Điều 15 Quy chế này.

5. Hình thức công bố thông tin của Ngân hàng

a) Ngân hàng phát hành trái phiếu công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu theo các hình thức sau:

- i. Văn bản giấy;
- ii. Văn bản điện tử;
- iii. Đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng;
- iv. Đăng tải trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

b) Ngân hàng gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch Chứng khoán

Viet  
CỘNG

ngày \_\_\_\_ th

Hà Nội theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Điều 16. Công bố thông tin của Ngân hàng khi phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế**

1. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Điều 18, Điều 29 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu 07 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Hình thức công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 15 Quy chế này.

2. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 18 và Điều 30 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo mẫu tại Biểu mẫu 08 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Hình thức công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 15 Quy chế này.

3. Công bố thông tin định kỳ

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 18 và Điều 31 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và bao gồm các nội dung sau:

- Nội dung công bố thông tin định kỳ theo mẫu tại Biểu mẫu 09 ban hành kèm theo Quy chế này;

- Nội dung công bố thông tin việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu trong kỳ (nếu có) theo mẫu tại Biểu mẫu 10 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Hình thức công bố thông tin định kỳ thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 15 Quy chế này.

**Điều 17. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết**

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Ngân hàng phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký



M.S.C  
omb  
PHÁI  
ing

giao dịch) theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 11 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Ngân hàng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 12 ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại mục 1.16 khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 13 và Biểu mẫu 14 ban hành kèm theo Quy chế này căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu

6. Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

#### **Điều 18. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), Ngân hàng khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ

phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 15 hoặc Biểu mẫu 16 ban hành kèm theo Quy chế này;
- b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;
- c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
- d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;
- đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 17 hoặc Biểu mẫu 18 ban hành kèm theo Quy chế này;
- e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này thì chỉ phải thực

hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Ngân hàng hoặc người có liên quan của Ngân hàng.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Ngân hàng hoặc người có liên quan của Ngân hàng, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Ngân hàng hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thực hiện giao dịch chứng khoán của Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

#### **Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

Khi được chào mua công khai, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về chào mua công khai theo quy định tại Luật chứng khoán và Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

### Mục 3

## TRÁCH NHIỆM CÁC ĐƠN VỊ

### Điều 20. Trách nhiệm của Đơn vị công bố thông tin

1. Ban CLTG&TKTH là đơn vị tổng hợp thông tin, giúp việc cho Chủ tịch HĐQT và người được ủy quyền công bố thông tin, có trách nhiệm tập hợp tất cả các thông tin công bố từ các Đơn vị thuộc VCB và các yêu cầu từ các cơ quan quản lý; thực hiện kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo các văn bản công bố thông tin, chuyển cho người thực hiện công bố thông tin xem xét, phê duyệt và chịu trách nhiệm công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn và lưu trữ thông tin được công bố theo quy định liên quan của Pháp luật.

2. Đối với các báo cáo định kỳ không chỉ phục vụ riêng cho mục đích công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: (i) Báo cáo tài chính bao gồm BCTC năm, BCTC bán niên, BCTC quý, Đơn vị đầu mối quản lý thông tin, chủ động và có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin như Đơn vị công bố thông tin (*Chi tiết theo Phụ lục I Quy chế này*); (ii) Các nội dung/báo cáo khác, các Đơn vị thực hiện theo phân công của Ban lãnh đạo về trách nhiệm đầu mối CBTT (nếu có).

### Điều 21. Trách nhiệm của Đơn vị đầu mối quản lý thông tin

1. Chuẩn bị các nội dung thông tin cần công bố theo đúng mẫu biểu quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Hà Nội và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) (*Chi tiết đầu mối cung cấp, thời gian cung cấp và các yêu cầu khác quy định cụ thể tại Phụ lục I Quy chế này*).

2. Gửi các nội dung thông tin cho Đơn vị công bố thông tin đúng thời hạn quy định (*Chi tiết đầu mối cung cấp, thời gian cung cấp và các yêu cầu khác quy định cụ thể tại Phụ lục I Quy chế này*).

3. Các cá nhân và Trưởng/Giám đốc các đơn vị đầu mối quản lý thông tin chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời, đầy đủ của các thông tin được công bố, tuân thủ theo phạm vi phân công quản lý và các quy định hiện hành.

4. Với những thông tin bất thường liên quan đến nhiều đơn vị phối hợp cung cấp, đơn vị đầu mối quản lý thông tin chủ động yêu cầu các đơn vị liên quan cung cấp thông tin. Việc chậm trễ trong công tác công bố thông tin phát sinh do đơn vị liên quan nào thì đơn vị đó phải chịu trách nhiệm với những ảnh hưởng xảy ra (nếu có) đối với Ngân hàng.

### Điều 22. Trách nhiệm của các Đơn vị, cá nhân liên quan trong Ngân hàng

1. Phối hợp với các đơn vị công bố thông tin và đầu mối quản lý thông tin;



cung cấp các thông tin định kỳ, đột xuất, thông tin khác cho Người thực hiện công bố thông tin khi được yêu cầu.

Trong trường hợp cần sửa đổi nội dung thông tin đã được công bố, các đơn vị, cá nhân có liên quan lập báo cáo, giải trình lý do và nội dung thông tin sửa đổi với Người thực hiện công bố thông tin.

### Chương III

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 23. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ Quy chế này do Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Quang Dũng

PH  
NG  
M  
P  
PH

PH

Ngày